ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**------o0o-----**

**LÊ VĂN DỤNG**

**QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

 **CÔNG LẬP NGÀNH Y TẠI VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Mã số: 62 34 05 01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**NĂM 2017**

**Công trình được hoàn thành tại**: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

**Người hướng dẫn khoa học**: PGS.TS. Trần Anh Tài

 TS. Lê Trung Thành

Phản biện 1:……………………………………………………

Phản biện 2:……………………………………………………

Phản biện 3:……………………………………………………

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sỹ cấp Đại học Quốc gia họp tại…………………………………...

Vào hồi…….giờ……ngày……..tháng……..năm………

**Có thể tìm hiểu luận án tại**:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

# MỞ ĐẦU

# 1. Tính cấp thiết và ý nghĩa của Luận án

Tài chính là một nguồn lực rất quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của giáo dục, trong đó GDĐH đòi hỏi nguồn lực tài chính rất lớn, có nguồn lực tài chính các trường đại học mới có cơ sở để phát triển các nguồn lực khác như con người, cơ sở vật chất,… đây những yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển bền vững của đơn vị. Ở Việt Nam, các trường ĐHCL là đơn vị sự nghiệp có thu, tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận. Tuy nhiên, để hoạt động của Nhà trường có hiệu quả, chất lượng đào tạo cao thì tất yếu như bất kỳ một trường đại học nào cũng phải cần đến nguồn tài chính để hoạt động, đặc biệt là đối với đào tạo đại học ngành y có đặc thù là chi phí đạo tạo cao, thời gian đào tạo dài và quá trình đào tạo gắn kết chặt chẽ giữa giữa trường đại học và bệnh viện, mà trong đó người bệnh là trung tâm.

Hiện nay nguồn kinh phí hoạt động của trường ĐHCL ngành y chủ yếu từ các nguồn NSNN cấp, nguồn thu học phí, nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác còn chiếp tỷ lệ rất nhỏ. Trong khi đó chủ trương của Chính phủ là trao quyền tự chủ toàn diện về tài chính cho các trường đại học; đây là cơ sở cho các trường ĐHCL nâng cao tính tích cực chủ động, sáng tạo trong QTTC của đơn vị; sử dụng NSNN được giao tiết kiệm, hiệu quả hơn; tuy nhiên cũng tạo ra nhiều thách thức đối với các trường đại học khi chuyển đổi cơ chế từ sự bao cấp của NSNN sang cơ chế tự chủ.

Việt Nam đang trong thời kỳ thực hiện chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt nam, nhìn chung cơ chế, chính sách của Nhà nước về tài chính đối với các trường ĐHCL nói chung đã có nhiều chuyển biến tích cực. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các trường ngày càng cao, chính sách thu học phí đã thay đổi theo nguyên tắc người học chia sẽ một phần chi phí đào tạo và mức thu học phí tăng theo lộ trình tăng chi phí đào tạo. Trong đó chính sách học phí cũng đã phân chia theo nhóm các ngành đào tạo; đối với các trường đại học ngành y có chi phí đào tạo cao hơn, đã được thu học phí cao nhất trong khối các trường ĐHCL, từ đó đã tăng nguồn thu cho nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao vai trò tự chủ. Tuy nhiên, đối với trường ĐHCL ngành y phát triển nguồn thu học phí cũng gặp nhiều khó khăn, do không thể tăng số lượng đào tạo để tăng nguồn thu, mức thu học phí tăng cũng có giới hạn bởi quy định mức trần học phí của Chính phủ và khả năng chi trả của người học; nhưng lại có lợi thế về tiềm năng trong phát triển nguồn thu từ hoạt động thực hành gắn liền với công tác khám chữa bệnh. Hiện nay của các trường đại học y đều có bệnh viện trong trường đại học để gắn kết đào tạo và dịch vụ khám chữa bệnh đã mang lại nguồn thu đáng kể cho nhà trường và làm thay đổi mô hình QTTC của các trường ĐHCL ngành y.

Mặt khác, bối cảnh phát triển GDĐH trên thế giới hiện nay trong xu thế toàn cầu hoá và nền kinh tế tri thức. Đặc biệt trong ngành y hợp tác quốc tế luôn được chú trọng cả trong đào tạo, chuyển giao công nghệ và điều trị; điều đó cũng mở ra yếu tố cạnh tranh mạnh mẻ trong lĩnh vực đào tạo ngành y. Bên cạnh đó, sự phát triển của GDĐH thế giới hiện nay cho thấy ngày càng theo hướng tăng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở GDĐH.

Xuất phát từ các nội dung trên, luận án đi sâu vào nghiên cứu bối cảnh đổi mới cơ chế tự chủ tài chính của Nhà nước và thực trạng QTTC hiện nay ở các trường ĐHCL ngành y, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả QTTC tại các trường ĐHCL ngành y tại Việt Nam trong cơ chế tự chủ, nhằm huy động tối đa nguồn lực tài chính cho hoạt động của Nhà trường để nâng cao chất lượng đào tạo, cung cấp cho xã hội đội ngũ thầy thuốc có đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn giỏi, phục vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được tốt hơn.

# 2. Câu hỏi nghiên cứu

 (?1) Quản trị tài chính tại các trường ĐHCL ngành y ở Việt Nam có những đặc thù nào khác các trường ĐHCL các ngành khác ?

(?2) Thực trạng QTTC tại các trường ĐHCL ngành y đã đạt được kết quả nào, còn hạn chế gì và nguyên nhân ?

(?3) Trong điều kiện tự chủ, QTTC tại các trường ĐHCL ngành y cần có giải pháp như thế nào để Nhà trường phát triển bền vững ?

# 3. Mục tiêu nghiên cứu

- Nghiên cứu và hệ thống hóa cơ sở lý luận về QTTC tại các trường ĐHCL nói chung và các trường ĐHCL ngành Y nói riêng ở Việt Nam.

- Thông qua điều tra, khảo sát thực trạng QTTC hiện nay của các Trường ĐHCL ngành Y trực thuộc Bộ Y tế để phân tích, đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại và nguyên nhân của QTTC.

- Trên cơ sở các lý luận khoa học và thực tiễn để đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quản trị tài chính tại các trường đại học công lập ngành Y ở Việt Nam trong cơ chế tự chủ.

# 4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Luận án nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về quản trị tài chính tại các trường ĐHCL ngành y ở Việt Nam hiện nay, các cơ chế chính sách về tự chủ của Nhà nước, và xu hướng phát triển của các trường đại học y của một số nước và ở Việt Nam trong cơ chế tự chủ.

- Về không gian: nghiên cứu tại các trường ĐHCL ngành y ở Việt nam, trong đó tập trung 5 (năm) trường ĐHCL ngành Y điển hình về đào tạo đại học ngành y thuộc Bộ Y tế, bao gồm: Trường ĐHY Hà Nội, Trường ĐHYD Hải Phòng, Trường ĐHYD Thái Bình, ĐHYD Thành phố Hồ Chí Minh và Trường ĐHYD Cần Thơ.

- Về thời gian: nghiên cứu cơ chế tự chủ tài chính tập trung vào thời kỳ đổi mới từ năm 2006 đến nay. Chuỗi số liệu thống kê và phân tích thực trạng từ năm 2011 đến nay. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu, để làm rõ hơn tính lịch sử của vấn đề, các dữ liệu trước đó cũng được sử dụng.

# 5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử,

- Phương pháp kế thừa những kết quả các công trình đã nghiên cứu;

- Phương pháp điều tra khảo sát, thu thập thông tin, số liệu.

- Phương pháp phân tích tổng hợp thông tin, tài liệu thu thập,

- Phương pháp phỏng vấn chuyên gia,

# 6. Các đóng góp của luận án

# 6.1. Về lý luận và học thuật

Luận án phân tích làm rõ một số vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn về QTTC tại trường ĐHCL ngành y như: i) Các khái niệm liên về QTTC tại trường ĐHCL ngành y; ii) Đúc kết những bài học kinh nghiệm về QTTC tại trường đại học của một số quốc gia trên thế giới; iii) Phân tích lý luận và hoàn thiện luận điểm về đặc thù trong đào tạo và QTTC tại các trường ĐHCL ngành y; những nhân tố ảnh hưởng đến QTTC của các trường ĐHCL ngành y.

# 6.2. Về ứng dụng thực tế

Luận án nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả QTTC tại các trường ĐHCL ngành y trong hiện tại và trong cơ chế tự chủ; đảm bảo huy động và quản lý hiệu quả nguồn kinh phí, đáp ứng như cầu phát triển của nhà trường, nâng cao chất lượng đào tạo và các dịch vụ công chăm sóc sức khỏe của con người. Luận án đề xuất các giải pháp hoàn thiện QTTC đối với trường ĐHCL ngành y và kiến nghị các giải pháp đối với Nhà nước về hoàn thiện cơ chế tự chủ cho các Trường ĐHCL ngành y.

Luận án là tài liệu để các trường tham khảo vận dụng vào QTTC tại Trường ĐHCL ngành y, đặc biệt là trong cơ chế tự chủ với những đặc thù trong đào tạo ngành y, những đặc thù trong QTTC tại các trường ĐHCL ngành y để phát triển nguồn thu từ hoạt động khám chữa bệnh nhằm đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện mục tiêu phát triển của Nhà trường và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, giảm chi phí khám chữa bệnh cho bệnh nhân.

Luận án là một trong tài liệu tham khảo để Chính phủ và các Bộ, các Ngành có liên quan xây dựng hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các trường ĐHCL nói chung và trường ĐHCL ngành y nói riêng.

# 7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần phần giới thiệu chung về luận án và trình bày tóm tắt tổng quan tình hình nghiên cứu trên thế giới và trong nước; Luận án bao gồm 4 chương sau:

*Chương 1*. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án;

*Chương 2*. Cơ sở lý luận về quản trị tài chính tại các trường đại học công lập ngành y;

*Chương 3*. Thực trạng quản trị tài chính tại các trường đại học công lập ngành Y hiện nay;

*Chương 4.* Một số giải pháp hoàn thiện quản trị tài chính tại các trường đại học công lập ngành y ở Việt Nam trong cơ chế tự chủ.

#

# CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

# 1.1. Tình hình nghiên cứu nước ngoài

Trên Thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến vấn đề cơ chế, chính sách về tài chính đối với các trường đại học. Các nghiên cứu đã dựa trên hai nguyên lý cơ bản là: nguyên lý về tài chính công trong lĩnh vực giáo dục và nghiên cứu về quản lý tài chính trong các trường đại học.

Milton Friedman (1955) là người đầu tiên nghiên cứu về vai trò của Chính phủ trong giáo dục và qua đó lý giải cơ sở khoa học cho phân bổ ngân sách Nhà nước cho các trường đại học công.Theo dore W. Schultz (1961) là người phát triển tiếp với nghiên cứu, “Investment in Human Capital” nhấn mạnh đầu tư công cho giáo dục, đặc biệt giáo dục đại học. Alan (1979), đã cho tái bản lần thứ sáu cuốn sách của mình về tài chính công “Tài chính công - Lý thuyết và thực tiễn”. Tsang (1997), tiếp cận theo cách phân tích chi phí lợi nhuận để đưa ra chính sách hoặc đánh giá chính sách trong lĩnh vực giáo dục. Marianne và Lesley (2000), mở rộng đối tượng nghiên cứu không chỉ tài chính mà các nguồn lực khác cho giáo dục.

Một công trình nghiên cứu gần đây có thể kể đến nghiên cứu về quản lý và kiểm soát tài chính đối với giáo dục đại học của Malcolm Prowle và Eric Morgan (2005). Holley (2007) cũng cho tái bản lần thứ hai cuốn sách cùng tên là “Tài chính công - Lý thuyết và thực tiễn” của mình; ông đã đưa ra những vấn đề thực tiễn mới về tài chính công ở Hoa Kỳ.

# 1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Ở Việt Nam, nghiên cứu về chủ đề liên quan đến tài chính các đơn vị sự nghiệp công lập nói chung và các trường đại học nói riêng đã có nhiều đề tài, luận văn, luận án và các bài báo nghiên cứu về lĩnh vực này; trong một số nghiên cứu liên quan đến luận án như:

- Phan Huy Hùng (năm 2009), Luận án tiến sỹ về đề án: *Quản lý Nhà nước theo hướng đảm bảo sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học ở Việt Nam*”.

- Lê Kim Ngọc (2009), Luận án Tiến sỹ đề tài: “*Tổ chức hạch toán kế toán trong các cơ sở y tế với việc tăng cường quản lý tài chính ngành y tế Việt Nam*”.

- Phạm Chí Thanh (2011), Luận án tiến sỹ về đề tài “*Đổi mới chính sách tài chính đối với khu vực sự nghiệp công ở Việt Nam*”.

- Vũ Thị Thanh Thủy (2012), Luận án tiến sĩ về đề tài: *Quản lý tài chính các trường đại học công lập ở Việt Nam*.

- Trần Đức Cân (2012), Luận án tiến sỹ về đề tài: “*Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính các trường đại học công lập ở Việt Nam*”.

- Nguyễn Thu Hương (2014), Luận án tiến sỹ: “*Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các chương tình đào tạo chất lượng cao trong các trường đại học công lập Việt Nam*”.

- Nguyễn Minh Tuấn (2015), Luận án tiến sỹ về đề tài: Tác động của quản lý tài chính đến chất lượng giáo dục đại học - Nghiên cứu điển hình tại các trường đại học thuộc Bộ Công Thương.

 - Nguyễn Thị Hương (2015), Luận án tiến sĩ về đề tài: *“Quản lý tài chính tại Đại học Quốc gia Hà Nội trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học”*.

- Phan Công Nghĩa và các cộng sự (2015); Đề tài cấp Bộ về: “*Xây dựng mô hình quả trị tài chính đối với các trường đại học công lập*”.

- Nguyễn Thị Lan Hương (2015); Luận án tiến sỹ về đề tài: “*Chính sách chia sẽ chi phí đào tạo Giáo dục đại học Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030”*.

- Trần Quang Hùng (2016); Luận án tiến sĩ về đề tài: “Chính sách học phí đại học của Việt Nam”.

Ngoài các công trình đã nghiên cứu nêu trên, còn có một số bài báo, báo cáo tham luận khác về quản lý tài chính đối với các trường đại học khác có liên quan đến dự án như:

- Trần Thọ Đạt (2012) về “Một số nội dung cơ bản đề xuất đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Trường Đại học kinh tế Quốc dân”;

- Nguyễn Trường Giang (2012) với chủ đề “ Đổi mới cơ chế tài chính gắn với nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện mục tiêu công bằng và hiệu quả”;

- Phùng Xuân Nhạ và các cộng sự (2012), với chủ đề “ Đổi mới cơ chế tài chính hướng tới nền giáo dục đại học tiên tiến, tự chủ”;

- Nguyễn Ngọc Anh và các cộng sự (2012) với chủ đề “ Cơ chế phân bổ ngân sách cho giáo dục đại học công lập: Hiện trạng và khuyến nghị”;

- Vũ Thị Kim Anh (2016), với chủ đề “ Tự chủ tài chính ở các trường đại học công lập Việt Nam trong thời kỳ hội nhập- Thực trạng và giải pháp”;

- Nguyễn Mạnh Hùng và Đào Ngọc Hà (2016), với chủ đề “ Kinh nghiệm quốc tế về giá dịch vụ y tế và một số đề xuất triển khai áp dụng tại Việt Nam”.

**1.3. Khoảng trống nghiên cứu**

Các công trình nghiên cứu trên mới chỉ tập trung nghiên cứu ở các Trường ĐHCL nói chung trong bối cảnh cơ chế tự chủ tài chính với mức độ tự chủ chưa toàn diện. Mặt khác, do công tác quản trị tài chính của các trường đại học công lập phụ thuộc nhiều vào cơ chế, chính sách về giáo dục, về quản lý tài chính của Nhà nước, vì vậy mỗi một thời kỳ nền kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước mà cơ chế, chính sách của Nhà nước cũng khác nhau, nên công tác quản trị tài chính cũng có sự thay đổi. Điều đó đòi hỏi công tác nghiên cứu về quản trị tài chính đối với các trường ĐHCL hiện nay trong điều kiện nhà nước trao quyền tự chủ đại học, tự chủ tài chính toàn diện cho các trường đại học công lập là rất cấp thiết. Trong đó đặc biệt là chưa có nghiên cứu nào về QTTC đối với tính đặc thù của các trường ĐHCL ngành Y ở Việt Nam trong điều kiện tự chủ cao như hiện nay.

Với những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài “***Quản trị tài chính tại các trường ĐHCL ngành y ở Việt Nam***” làm luận án nghiên cứu của mình. Tác giả mong muốn nhận được nhiều ý kiến đóng góp của đồng nghiệp và các nhà nhiên cứu để tiếp tục nhiên cứu sâu hơn về đề tài này.

#

# CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP NGÀNH Y

# 2.1. Quản trị tài chính tại các trường đại học công lập

# 2.1.1. Khái niệm về quản trị tài chính

QTTC là một môn khoa học quản trị nghiên cứu các mối quan hệ tài chính phát sinh trong quá trình sản xuất và kinh doanh của một doanh nghiêp hay một tổ chức.

Quản trị tài chính của các trường đại học công lập là quá trình nhà quản trị sử dụng các chính sách và công cụ tài chính, tác động đến các hoạt động của nhà trường thông qua các chức năng cơ bản của tài chính như: Lập kế hoạch tài chính, tạo nguồn tài chính, sử dụng nguồn tài chính và thực hiện công tác kiểm tra giám sát để đạt các mục tiêu phát triển của Nhà trường đề ra.

# 2.1.2. Đặc điểm quản trị tài chính tại các trường đại học công lập

*-* QTTC của trường ĐHCL không vì lợi nhuận và được kết hợp hài hoà giữa mục tiêu phát triển của nhà trường và trách nhiệm xã hội.

- QTTC các trường ĐHCL phụ thuộc nhiều vào chính sách tài chính của Nhà nước đối với GDĐH, như cơ chế phân bổ NSNN, chính sách học phí và chính sách đầu tư của Nhà nước.

- QTTC của các trường cũng phụ thuộc lớn vào chính nội lực của bản thân trường đại học, như quy mô đào tạo, thương hiệu của nhà trường, năng lực quản trị đại học,…

# 2.1.3. Vai trò của quản trị tài chính tại các trường đại học công lập

- Đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các mục tiêu phát triển của Nhà trường.

- Tổ chức sử dụng vốn tiết kiệm và hiệu quả nguồn kinh phí

- Giám sát, kiểm tra chặt chẽ các mặt hoạt động

# 2.1.4. Nội dung QTTC tại các trường đại học công lập

# 2.1.4.1. Quản trị nguồn thu

- Lập kế hoạch và xây dựng chiến lược phát triển nguồn thu

- Tổ chức thực hiện kế hoạch khai thác, phát triển nguồn thu.

- Kiểm tra, kiểm soát, đánh giá và xây dựng giải pháp tăng thu.

# 2.1.4.2. Quản trị chi phí

- Lập kế hoạch, dự toán chi phí của hoạt động.

- Quản lý và sử dụng kết quả tài chính.

- Kiểm soát, đánh giá hiệu quả chi phí.

# 2.1.4.3. Quản trị kết quả tài chính

- Trích lập các quỹ cơ quan

- Sử dụng các quỹ cơ quan

# 2.1.5. Một số công cụ QTTC tại các trường đại học công lập

- Chính sách tài chính của Nhà nước đối với trường đại học

- Quy chế thu chi nội bộ của Nhà trường

- Công tác lập và thực hiện kế hoạch tài chính

- Công tác tổ chức chế độ kế toán

- Công tác kiểm tra, giám sát

# 2.1.6. Một số tiêu chí đánh giá QTTC tại Trường đại học công lập

- Tuân thủ chính sách pháp luật của Nhà nước và quy chế tài chính nội bộ của đơn vị;

- Tăng trưởng và phát triển đa dạng nguồn thu sự nghiệp

- Đáp ứng nguồn kinh phí cho nhu cầu hoạt động của Nhà trường

- Hiệu quả kinh tế trong hoạt động

-Trích lập các quỹ đảm bảo tích luỹ và TNTT cho người lao động

- Tính công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình

# 2.2. Cơ chế tự chủ tài chính của các trường đại học công lập

# 2.2.1. Khái niệm cơ chế tự chủ tài chính

 Cơ chế tự chủ tài chính là những quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các khoản thu, khoản chi và các quan hệ tài chính phát sinh của đơn vị.

# 2.2.2. Nội dung của cơ chế tự chủ tài chính

- Tự chủ trong quản lý và khai thác nguồn thu: Là quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, khai thác, huy động các nguồn thu;

- Tự chủ trong quản lý chi tiêu: Là quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các mục tiêu của đơn vị

- Tự chủ trong sử dụng kết quả tài chính: Trích lập các quỹ cơ quan; sử dụng các quỹ cơ quan

# 2.3. Đặc thù quản trị tài chính tại các Trường ĐHCL lập ngành Y

- Phát triển nguồn thu từ học phí là khó khăn,

- Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh đang phát triển trở thành nguồn lớn của các Trường,

- Chi phí đào tạo cao hơn so với các trường đại học các ngành khác.

- Mối quan hệ kinh tế trong giữa Trường – Bệnh viện ngoài nhà trường

# 2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến QTTC tại các trường ĐHCL ngành y

# 2.4.1. Yếu tố khách quan

- Chính sách của nhà nước đối với các trường đại học công lập

- Sự phát triển của nền kinh tế và cơ chế thị trường

- Sự phát triển khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế

# 2.4.2. Yếu tố chủ quan

- Uy tín, chất lượng đào tạo của trường đại học

- Trình độ quản trị tài chính của trường đại học

# 2.5. Kinh nghiệm QTTC của một số Trường Đại học các nước

- Kinh nghiệm các trường đại học tại Singapore

- Kinh nghiệm các trường đại học tại nước Úc

- Kinh nghiệm các trường đại học tại Hoa kỳ

- Kinh nghiệm các trường đại học tại Vương quốc Anh

- Kinh nghiệm các trường đại học tại nước Pháp

- Bài học kinh nghiệm đối với các trường ĐHCL ở Việt Nam.

#

# CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP NGÀNH Y Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

# 3.1. Khái quát các trường đại học công lập ngành y ở Việt Nam

# 3.1.1. Hệ thống các trường đại học công lập ngành y ở Việt Nam

Hiện nay (năm 2016) Việt Nam có tổng số 31 trường đại học đào tạo thuộc các lĩnh vực về Y tế; bao gồm có 19 trường ĐHCL và 12 trường ĐHDL. Trong đó: Trường ĐHCL ngành y thuộc Bộ Y tế hiện nay có 11 trường; trong đó có 5 (năm) trường đại học có các chuyên ngành đào tạo và mô hình tổ chức gần giống nhau, cùng có bệnh viện trong trường đại học, bao gồm:

(x1) Trường Đại học Y Hà Nội

(x2) Trường Đại học Y Dược Hải phòng

(x3) Trường Đại học Y Dược Thái Bình

(x4) Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh

(x5) Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

# 3.1.2. Đặc thù trong đào tạo của trường đại học công lập ngành y

- Thời gian đào tạo dài

- Chi phí đào tạo đại học ngành y cao hơn các ngành khác

- Đào tạo ngành y phải gắn liền với bệnh viện

# 3.2. Thực trạng cơ chế TCTC của các trường ĐHCL ngành y

# 3.2.1. Giai đoạn 2006-2015

Giai đoạn này các trường đại học công lập được thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

# 3.2.1.1. Nội dung tự chủ quản lý thu

- Được tự chủ về các khoản thu, mức thu phí, lệ phí nhưng không vượt khung mức thu do Nhà nước quy định.

- Hoạt động dịch vụ được tự quyết định khoản thu, mức thu theo nguyên tắc lấy thu bù chi và có tích luỹ.

- Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

**3.2.1.2. Nội dung chủ quản lý chi**

 - Được tự chủ trong chi hoạt động thường xuyên theo nhiệm vụ, quyền tự chủ theo mức độ tự đảm bảo kinh phí.

- Được quyết định sử dụng chêch lệch thu chi để trích lập các quỹ cơ quan và chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động;

- Chi không thường xuyên thực hiện theo quy định của nhà nước.

**3.2.1.3. Nội dung tự chủ sử dụng kết quả tài chính**

Được quyền quyết định sử dụng chêch lệch thu chi để trích lập các quỹ cơ quan: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; trả thu nhập tăng thêm cho người lao theo quy chế chi tiêu nội bộ.

**3.2.1.4.Những kết quả đã đạt được**

- Được tự chủ về tổ chức bộ máy của đơn vị,

- Đơn vị chủ động hơn trong quản lý thu – chi; nguồn chi thường xuyên không sử dụng hết được chuyển năm sau thực hiện.

- Chính sách thu học phí đã được tăng theo lộ trình.

**3.2.1.5. Một số hạn chế**

- Cơ chế tự chủ giai đoạn này còn chưa thực chất, nhà nước vẫn chưa giao tự chủ toán diện về tổ chức bộ máy và Trường đại học chưa được tự chủ trong quyết định mức thu, nội dung thu.

- Chưa được tự chủ quy định mức thu học phí; Chính phủ quy định mức trần thu học phí thấp hơn chi phí đào tạo thực tế.

- Cơ chế NSNN cấp kinh phí chưa phù hợp.

# 3.2.2. Giai đoạn 2015 đến nay

Giai đoạn này thực hiện chủ trương đổi mới hoạt động của Chính phủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục ĐHCL đoạn 2014 – 2017 và Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 Chính phủ, Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

|  |
| --- |
|  |

# 3.2.2.1. Nội dung tự chủ quản lý thu

- Đơn vị được tự chủ trong quản lý, sử dụng nguồn thu;

- Đối với đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được giao quyền tự chủ cao nhất và được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp; được quyết định mức thu học phí theo chi phí thực tế.

- Đối với đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, NSNN giao dự toán ổn định trong thời gian 3 năm và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định.

- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ được quyền quyết định mức thu trên nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí và có tích lũy.

- Nguồn thu khác (như vốn vay, liên doanh liên kết, viện trợ….): các đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật.

**3.2.2.2. Nội dung tự chủ quản lý chi**

- Đối với các đơn vị tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư, các đơn vị tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên được quyết định một số mức chi quản lý, chi hoạt động nghiệp vụ cao hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước.

- Đối với các đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí và đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ kinh phí, mức chi tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Được quyền sử dụng chêch lệch thu chi để trích lập và sử dụng quỹ cơ quan theo quy định và sử dụng để chi trả

**3.2.2.3. Nội dung tự chủ sử dụng kết quả tài chính**

Được quyền sử dụng chêch lệch thu chi để trích lập các quỹ cơ quan; mức trích lập và sử dụng các quỹ do Thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

**3.2.2.4. Những kết quả đã đạt được**

- Đơn vị tự chủ toàn bộ (tự chủ cả chi thường xuyên và chi đầu tư) được quyền tự chủ cao nhất, được quyết định giá dịch vụ theo cơ chế thị trường. Khi đủ điều kiện theo quy định của nhà nước được vận dụng cơ chế tài chính của doanh nghiệp.

- Đối với các đơn vị sử dụng NSNN, giá dịch vụ được thực hiện theo lộ trình tính đủ chi phí đến 2020;

- Chính sách thu học phí đã được điều chỉnh lên và phân theo 2 đối tượng tự chủ toàn bộ và tự chủ một phần.

- Phương thức bố trí dự toán ngân sách theo hướng cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; đặt hàng, giao kinh phí hỗ trợ từ NSNN với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên;

**3.2.2.5. Một số hạn chế**

- Cơ chế tự chủ của nhà nước còn chưa thực chất, hệ thống văn bản pháp luật chưa đồng bộ và nhiều lĩnh vực còn thiếu các văn bản hướng để thực hiện. Mức trần thu học phí của Nhà nước thấp hơn chi phí thực tế.

- Cơ chế phân bổ NSNN theo đơn đặt hàng còn thiếu cơ sở thực hiện, như việc xác định mức chi phí đào tạo tối thiểu, phân loại đơn vị vẫn trên cơ sở mức độ tựu chủ, …

- Thực hiện NQ số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014; thời gian hực hiện ngắn và chưa đảm bảo công bằng trong cạnh tranh, thủ tục phê duyệt đề án còn phức tạp.

# 3.3. Phân tích thực trạng QTTC tại các Trường ĐHCL ngành Y

Để đánh giá thực trạng QTTC tại các trường ĐHCL ngành y ở Việt Nam, tác giả thu thập số liệu thực trạng QTTC tại 5 (năm) trường ĐHCL ngành y có mô hình tổ chức và hoạt động giống nhau thuộc Bộ Y tế, bao gồm: i) Trường ĐHY Hà Nội, ii) Trường ĐHYD Hải Phòng, iii) Trường ĐHYD Thái Bình, iv) ĐHYD TP.Hồ Chí Minh và Trường ĐHYD Cần Thơ. Qua đó tổng quát thực trạng chung QTTC tại các trường ĐHCL ngành y ở Việt Nam.

# 3.3.1. Thực trạng quản trị nguồn thu

Nguồn thu hiện nay của các trường ĐHCL ngành y có thể phân làm nguồn thu chính theo đặc điểm nguồn thu là:

i) Nguồn NSNN cấp, bao gồm cấp chi hoạt động thường xuyên và cấp chi không thường xuyên;

ii) Nguồn thu sự nghiệp tại trường, bao gồm: Thu học phí, thu dịch vụ đào tạo, thu dịch vụ khám chữa bệnh và nguồn thu khác.

# Biểu số 3.7a: Tổng hợp kết quả nguồn thu của 5 trường (năm 2011-2015)

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên trường** | **Nguồn thu của Nhà trường (Triệu đồng)** |
| **Tổng số** | **Trong đó:** | **Tỷ lệ nguồn thu** |
| **NSNN** | **Thu SN** | **NSNN** | **Thu SN** |
| **1.Trường Đại học Y Hà Nội** | **4.595.580** | **919.409** | **3.676.171** | **20,0%** | **80,0%** |
|  - Năm 2011 | 528.134 | 115.365 | 412.769 | 21,8% | 78,2% |
|  - Năm 2012 | 746.476 | 152.291 | 594.185 | 20,4% | 79,6% |
|  - Năm 2013 | 934.560 | 210.952 | 723.608 | 22,6% | 77,4% |
|  - Năm 2014 | 1.118.461 | 251.355 | 867.106 | 22,5% | 77,5% |
|  - Năm 2015 | 1.267.949 | 189.446 | 1.078.503 | 14,9% | 85,1% |
| **2.Trường ĐHYD Hải phòng** | **797.299** | **333.205** | **464.094** | **41,8%** | **58,2%** |
|  - Năm 2011 | 87.393 | 29.896 | 57.497 | 34,2% | 65,8% |
|  - Năm 2012 | 129.065 | 40.092 | 88.973 | 31,1% | 68,9% |
|  - Năm 2013 | 180.741 | 89.072 | 91.669 | 49,3% | 50,7% |
|  - Năm 2014 | 202.331 | 89.563 | 112.768 | 44,3% | 55,7% |
|  - Năm 2015 | 197.769 | 84.582 | 113.187 | 42,8% | 57,2% |
| **3. Trường ĐHYD Thái Bình** | **975.710** | **354.027** | **621.683** | **36,3%** | **63,7%** |
|  - Năm 2011 | 127.523 | 41.652 | 85.871 | 32,7% | 67,3% |
|  - Năm 2012 | 181.768 | 73.519 | 108.249 | 40,4% | 59,6% |
|  - Năm 2013 | 202.666 | 72.443 | 130.223 | 35,7% | 64,3% |
|  - Năm 2014 | 235.941 | 95.223 | 140.718 | 40,4% | 59,6% |
|  - Năm 2015 | 227.812 | 71.190 | 156.622 | 31,2% | 68,8% |
| **4. Đại học Y dược TP. HCM** | **12.732.016** | **938.169** | **11.793.847** | **7,4%** | **92,6%** |
|  - Năm 2011 | 1.906.019 | 130.241 | 1.775.778 | 6,8% | 93,2% |
|  - Năm 2012 | 2.446.628 | 203.092 | 2.243.536 | 8,3% | 91,7% |
|  - Năm 2013 | 2.344.838 | 193.447 | 2.151.391 | 8,2% | 91,8% |
|  - Năm 2014 | 2.912.959 | 224.306 | 2.688.653 | 7,7% | 92,3% |
|  - Năm 2015 | 3.121.572 | 187.083 | 2.934.489 | 6,0% | 94,0% |
| **5. Trường ĐHYD Cần Thơ**  | **2.442.779** | **927.887** | **1.514.892** | **38,0%** | **62,0%** |
|  - Năm 2011 | 354.335 | 234.910 | 119.425 | 66,3% | 33,7% |
|  - Năm 2012 | 347.028 | 113.174 | 233.854 | 32,6% | 67,4% |
|  - Năm 2013 | 486.859 | 178.822 | 308.037 | 36,7% | 63,3% |
|  - Năm 2014 | 651.328 | 238.566 | 412.762 | 36,6% | 63,4% |
|  - Năm 2015 | 603.229 | 162.415 | 440.814 | 26,9% | 73,1% |

# 3.3.2. Thực trạng quản trị chi phí

 Thực trạng quản trị chi phí của các trường ĐHCL ngành y thuộc Bộ Y tế được tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định của nhà nước; thể hiện trên các biểu đồ sau:

**Biểu đồ số 3.11. Tình hình chi thường xuyên và chi không thường xuyên**

 Đơn vị: Triệu đồng

*Nguồn: Tổng hợp từ BCTC của 5 trường (2011-2015) tại Bộ Y tế*

# Biểu đồ số 3.12. Các khoản chi hoạt động thường xuyên của các trường

Đơn vị: Triệu đồng

*Nguồn: Tổng hợp từ BCTC của 5 trường (2011-2015) tại Bộ Y tế*

# 3.3.3. Thực trạng quản trị kết quả tài chính

***3.3.3.1. Kết quả hoạt động tài chính (chênh lệch thu – chi)***

Nhìn biểu đồ cho thấy chênh lệch thu – chi thực hiện trong 5 (năm) năm qua của các Trường đạt được kết quả đáng ghi nhận;

# Biểu đồ số 3.14. Kết quả hoạt động tài chính của các trường

Đơn vị: Triệu đồng

*Nguồn : Báo cáo tài chính 2011-2015 của các đơn vị tại Bộ Y tế*

***3.3.3.2. Tình hình trích lập quỹ cơ quan và chi thu nhập tăng thêm***

Nhìn biểu đồ cho thấy số trích lập quỹ cơ quan và chi thu nhập so với tổng số chênh lệch thu chi của đơn vị đã đảm bảo hàng năm tăng cả hai chỉ tiêu trích lập quỹ cơ quan và chi thu nhập tăng thêm cho người lao động.

# Biểu đồ số 3.15. Tình hình sử dụng kết quả hoạt động tài chính (chênh lệch thu- chi) của các trường

Đơn vị: Triệu đồng

*Nguồn : Báo cáo tài chính 2011-2015 tại Bộ Y tế*

# 3.4. Đánh giá thực trạng những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân hạn chế của QTTC tại các Trường đại học công lập ngành Y

# 3.4.1. Những kết quả đã đạt

# 3.4.1.1. Nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị đang tăng trưởng và phát triển

a) Nguồn thu thực tế tăng vượt kế hoạch hàng năm

b) Nguồn thu phát triển, tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước

c) Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị đã chiếm tỷ lệ cao hơn nguồn NSNN cấp.

d) Nguồn thu từ dịch vụ đang phát triển trở thành nguồn thu có tỷ trọng lớn trong nguồn thu sự nghiệp tại trường

# 3.4.1.2. Đáp ứng nguồn kinh phí cho nhu cầu hoạt động của Nhà trường

Hệ số đánh giá nguồn thu so với nhu cầu chi theo kế hoạch và thực tế đều lớn hơn 1,0. Đều đó chứng tỏ nguồn thu đáp ứng nhu cầu hoạt động của nhà trường.

**Biểu đồ số 3.20. Đánh giá nguồn thu thực hiện so với nhu cầu chi theo kế hoạch và nhu cầu chi thực tế**

Đơn vị: Triệu đồng

*Nguồn : Báo cáo tài chính 2011 - 2015 của 5 trường tại Bộ Y tế*

# 3.4.1.3. Đảm bảo hiệu quả kinh tế trong hoạt động

- Chênh lệch thu chi thực tế vượt chỉ tiêu kế hoạch

- Chênh lệch thu -chi năm sau tăng hơn năm trước

# 3.4.1.4.Trích lập quỹ đảm bảo tích lũy và tăng thu nhập cho người lao động

- Trích lập quỹ cơ quan vượt so với số kết hoạch

- Trích lập quỹ cơ quan đảm bảo năm sau cao hơn năm trước

# 3.4.1.5. Xây dựng quy chế thu chi nội bộ công khai, dân chủ.

- Các trường đã thực hiện xây dựng quy chế, đảm bảo dân chủ, công khai về nội dung thu, mức thu và các nội dung chi, mức chi

- Quy chế chi tiêu nội bộ đã giúp các nhà lãnh đạo quản lý, điều hành công việc có kế hoạch, cân đối được nguồn lực của đơn vị.

- Giúp mọi người trong đơn vị chủ động thực hiện nhiệm vụ.

- Hàng năm các đơn vị đã chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung

#  3.4.2. Những hạn chế

- Nguồn thu của phát triển chưa đều và chưa thu hút được nguồn vốn từ các doanh nghiệp.

- Mức thu học phí phụ thuộc vào quy định của nhà nước và mức thu các hoạt động dịch vụ thực hiện còn lúng túng.

- Chưa tạo được nguồn vốn từ tiền khấu hao tài sản dùng trong hoạt động của nhà trường,

- Hiệu lực, hiệu quả của quy chế thu –chi nội bộ còn hạn chế,

- Công tác kế toán quản trị chưa được tổ chức thực hiện,

- Tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải tình chưa cao.

# 3.4.3. Nguyên nhân hạn chế

# 3.4.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Cơ chế tự chủ chưa toàn diện và chính sách, chế độ chưa đồng bộ.

- Cơ chế phân bổ NSNN còn chưa phù hợp.

- Kinh tế xã hội các địa phương chưa đều và phát triển chậm.

# 3.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan từ nội bộ của các trường

 - Năng lực tự chủ hạn chế và thiếu sẵn sàng thực hiện tự chủ.

- Công tác kiểm tra, giám sát còn hạn chế.

#

# CHƯƠNG 4: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP NGÀNH Y Ở VIỆT NAM TRONG CƠ CHẾ TỰ CHỦ

# 4.1. Xu hướng phát triển hiện nay của các trường ĐHCL ngành Y

# 4.1.1. Xu hướng phát triển của các trường trên thế giới

- Xu hướng chung của các trường đại học trên thế giới hiện nay là chuyển dịch dần từ mô hình Nhà nước kiểm soát sang các mô hình có mức độ tự chủ cao hơn (Nhà nước giám sát).

- Sự hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi các trường đại học phải đổi mới mạnh mẽ, đảm bảo chất lượng theo chuẩn quốc tế.

- Đặc biệt là đối với các trường đại học ngành y sự hợp tác quốc tế trong đào tạo ngày cành phát triển cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ và sự hợp tác đối phó với sự bùng phát nhiều căn bệnh trên toàn cầu.

# 4.1.2. Xu hướng phát triển của các trường trong nước

- Sự phát triển mạnh mẻ của hệ thống các trường ĐHCL ngành y ở Việt Nam, năm 1902 chỉ có 01 trường và đến nay đã có 31 trường.

- Sự thay đổi cơ bản về cơ chế quản lý nói chung và QTTC nói riêng của các trường ĐHCL ngành Y khi thành lập bệnh viện trong trường đại học; mô hình QTTC chuyển từ mô hình 2 cấp sang mô hình 3 cấp.

- Chủ trương của Đảng và Nhà nước hiện nay đổi mới căn bản về giáo dục đại học và trao quyền tự chủ toàn diện cho các trường đại học.

# 4.2. Một số giải pháp đối với các trường đại học công lập ngành y

# 4.2.1. Nâng cao năng quản trị tài chính của nhà trường

- Nâng cao vai trò lập Hội đồng trường,

- Nâng cao năng lực quản trị tài chính trong Ban giám hiệu,

- Xây dựng chế độ đãi ngộ đối với người lao động,

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và đào tạo cán bộ,

- Nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

# 4.2.2. Hướng tới thực hiện đề án tự chủ toàn diện về tài chính

Thực trạng cho thấy khả năng thực hiện tự chủ của các trường đại học công lập ngành y có tính khả thi, đặc biệt là sự phát triển nguồn thu tiềm năng từ hoạt động dịch vụ khám chữa bệnh, đây là nguồn lực vững chắc để thực hiện tự chủ của các trường.

# 4.2.3. Phát triển đa dạng nguồn thu sự nghiệp, trong đó khai thác tốt nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh và thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp

- Nguồn thu học phí,

- Nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh,

- Nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học,

- Chuyển quan hệ phối hợp giữa Bênh viện - Trường sang quan hệ hợp tác kinh tế,

- Huy động nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp,

- Nguồn đóng góp của các cựu sinh viên, học viên,

- Các nguồn thu khác.

# 4.2.4. Nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của quy chế thu chi nội bộ

- Nâng cao nhận thức đúng về vai trò của quy chế chi tiêu nội bộ bắt buộc tất cả mọi người trong đơn vị nghiêm túc thực hiện,

- Thực hiện công khai, minh bạch trong xây dựng quy chế,

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn và kiểm tra .

# 4.2.5. Tổ chức công tác kế toán quản trị cùng với kế toán tài chính

- Các trường ĐHCL nói chung ở Việt Nam cần thiết tổ chức công tác kế toán quản trị, để đảm bảo cung cấp các thông tin kinh tế chưa kịp thời cho Lãnh đạo quyết định, điều hành hoạt động của nhà trường.

- Xuất phát từ mục tiêu, vai trò của công tác kế toán quản trị và tình hình thực tế của các trường đại học công lập, việc lựa chọn “*Mô hình kế toán quản trị kết hợp*” là phù hợp. Áp dụng mô hình này kế toán đồng thời sẽ đảm nhiệm hai nhiệm vụ: thu thập và xử lý thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị.

# 4.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và nâng cao thực hiện công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình

- Hoàn thiện bộ máy kiểm tra, kiểm soát:

- Hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý làm cơ sở cung cấp thông tin và là công cụ để kiểm tra, giám sát,

- Hoàn thiện quy trình, nội dung kiểm tra, giám sát

# 4.3. Một số kiến nghị đối với Nhà nước

# 4.3.1. Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính cho trường đại học

- Trao quyền tự chủ tài chính đi cùng trao quyền tự chủ đại học;

- Tăng cường phân cấp trong quản trị theo hướng tự chủ đại học

- Ban hành chính sách đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất đảm bảo quyền tự chủ được thực nhiện đầy đủ và toàn diện.

# 4.3.2. Đổi mới cơ chế phân bổ NSNN

- Đổi mới phân bổ NSNN theo hướng cấp học bổng hỗ trợ người học, kèm theo cam kết của người học thực hiện nghĩa với với nhà nước;

- Đổi mới phân bổ NSNN đi cùng với đổi mới quản lý chi;

- Đổi mới cơ chế chi đầu tư phát triển giáo dục đại học.

# 4.3.3. Đổi mới cơ chế quản lý các trường ĐHCL theo cơ chế doanh nghiệp

Phê duyệt cho các trường ĐHCL ngành y thực hiện cơ chế quản lý theo doanh nghiệp; đơn vị được tự chủ quản lý và sự dụng dòng tiền của nhà trường thu được tại ngân hàng thương mại để đảm bảo hiệu quả cao hơn và Đối với tài sản dùng trong các hoạt động dịch vụ được áp dụng chế độ tính khấu hao.

#

# KẾT LUẬN

Luận án đã hoàn thành mục tiêu nghiên cứu làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quản trị tài chính ở các trường đại học công ngành y. Qua phân tích những điểm khác biệt của quản trị tài chính của các trường đại học công lập ngành y ở Việt Nam, trong đó điểm khác biệt lớn nhất trong đào tạo ngành y là thời gian đào tạo dài, chi phí đào tạo cao và quá trình đào tạo đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa học lý thiết và thực hành, đây là mối quan hệ Nhà trường và bệnh viện không thể thiếu trong đào tạo ngành y. Xuất phát từ đặc thù đó mà quản trị tài chính của các trường đại học công lập ngành y có những đặc thù so với các trường đại học công lập khác trong quản trị nguồn thu và quản trị chi phí. Luận án cũng nghiên cứu về đặt thù các nguồn thu của trường đại học ngành y, đó là khó khăn để tăng nguồn thu của nhà trường chỉ dựa vào nguồn học phí; các trường cần phát triển đa dạng các nguồn thu, trong đó khai thác hiệu quả nguồn thu tiềm năng từ hoạt động dịch vụ khám chữa bệnh của đội ngũ cán bộ y bác sỹ của nhà trường. Đây là đội ngũ bác sỹ có trình độ chuyên môn cao, là bậc thầy của các bác sỹ đang công tác tại các cơ sở khám chữa bệnh, là nguồn thu đặc thù so với các trường đại học công lập ngành khác.

Luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng công tác quả trị tài chính hiện nay ở các trường ĐHCL ngành y, từ đó thấy những kết quả đã đạt được bước đầu về phát triển nguồn thu và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí; tuy nhiên QTTC ở các trường ĐHCL ngành y đang bộc lộ một số hạn chế chưa theo kịp yêu cầu phát triển của các trường đại học ngành y trên thế giới. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên là do: trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp, môi trường pháp luật cho tự chủ của các trường đại học chưa được xây dựng một cách đồng bộ; công tác tổ chức quản lý chưa được đổi mới phù hợp với điều kiện của kinh tế thị trường; thiếu cơ chế huy động doanh nghiệp tham gia vào hoạt động của các trường đại học; năng lực nội sinh của các trường đại học còn thấp, cơ chế chính sách thu hút, đãi ngộ nguồn nhân lực hạn chế, ….

QTTC tại các trường ĐHCL ngành y trong cơ chế tự chủ là vấn đề mới và có nhiều tính chất đặc thù khác với các trường ĐHCL ngành khác, nhất là trong điều kiện các trường ĐHCL nước ta đang trong quá trình chuyển đổi và chưa có chiến lược rõ ràng về xây dựng mô hình quản trị tài chính. Kết quả của luận án là một trong những luận cứ khoa học để Chính phủ và các Bộ, Ngành có liên quan xây dựng hoàn thiện cơ chế tự chủ và các chính sách, cơ chế về QTTC đối với các trường ĐHCL nói chung và trường ĐHCL ngành y nói riêng. Luận án cũng là tài liệu tham khảo cho các trường đại học nghiên cứu, các biện pháp hoàn thiện QTTC tại đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!

#

# DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Lê Văn Dụng và các cộng sự (2012), Sách tham khảo “Kế toán tài chính bệnh viện” Nhà xuất bản Y học, 352 Đội Cấn- Ba Đình – Hà Nội.

2. Lê Văn Dụng (số 09 năm 2013), “Sử dụng công cụ tài chính, kế toán trong quản trị bệnh viện công lập hiện nay”, tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán - Học Viện tài chính- Bộ Tài chính, (Trang 16).

3. Lê Văn Dụng (số 12 năm 2013), “Nâng cao tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp đào tạo công lập”, tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán - Học Viện tài chính- Bộ Tài chính, (trang 63).

4. Lê Văn Dụng (số 12 năm 2014), “Hoạt động liên doanh liên kết trong Bệnh viện công lập hiện nay và một số giải pháp”, tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán - Học Viện tài chính- Bộ Tài chính, (trang 16).

5. Lê Văn Dụng (số 04 năm 2015), “Kế toán quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp trong điều kiện tự chủ tài chính”, tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán - Học Viện tài chính- Bộ Tài chính, (trang 36).

6. Lê Văn Dụng (số 3/2016), “Tăng cường vai trò của Kiểm toán Nhà nước góp phần hoàn thiện cơ chế chính sách của Nhà nước”, tạp chí Kế toán và Kiểm toán- Hội kế toán và Kiểm toán Việt Nam, (trang 47).

7. Lê Văn Dụng (số 05 năm 2016), “Nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của quy chế chi tiêu nội bộ trong các trường đại học công lập”, tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán - Học Viện tài chính- Bộ Tài chính, (trang 14).

8. Lê Văn Dụng (số 10 năm 2016), “Đặc thù quan hệ Viện – Trường của đào tạo ngành y và một số đề xuất trong cơ chế tự chủ”, tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán - Học Viện tài chính- Bộ Tài chính, (trang 74).

9. Lê Văn Dụng (năm 2016), “Đánh giá cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và những kiến nghị chính sách”, Kỷ yếu hội thảo khoa học về cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập ; Học Viện tài chính- Bộ Tài chính, (trang 144).